

Phụ lục I
CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số: 136/KH-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Lợi Bác)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (tỉnh)	Kết quả xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG					
1	Tỷ lệ người dân được phủ sóng 5G trên địa bàn tỉnh	%	≥ 70	≥35	Phòng Văn hóa – Xã hội	
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s	%	≥ 65	≥35	Phòng Văn hóa – Xã hội	
3	Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu phục vụ giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
4	Lãnh đạo và cán bộ chuyên môn được cấp chữ ký số cá nhân phục vụ nhu cầu giải quyết công việc trên môi trường điện tử	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
5	Phát triển, duy trì hoạt động ổn định Cổng thông tin điện tử của xã	Công thông tin	Duy trì	Duy trì	Văn phòng HĐND và UBND xã	
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC					
6	Tổng chi ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	≥ 1,5	≥ 1,5	Phòng Kinh tế	
7	Cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cơ bản gắn với vị trí việc làm	% GRDP	100	100	Phòng Văn hóa – Xã hội	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (tỉnh)	Kết quả xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
8	Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	% GRDP	≥ 90	≥ 85	Phòng Văn hóa – Xã hội	
9	Triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các khâu có tần suất lớn, rủi ro cao của công vụ (tiếp nhận, phân luồng hồ sơ; đối soát thành phần hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ; tổng hợp báo cáo; cảnh báo sai lệch dữ liệu), bảo đảm có cơ chế kiểm soát, lưu vết và trách nhiệm giải trình; phấn đấu nâng năng suất xử lý và giảm sai sót nghiệp vụ, rủi ro tuân thủ.	%	Ứng dụng	Ứng dụng	Phòng Văn hóa – Xã hội	
10	Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông...	%	≥ 90	≥ 85	Phòng Văn hóa – Xã hội	
11	Bố trí cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số bảo đảm phù hợp, đáp ứng nhu cầu	%	Đáp ứng	Đáp ứng	Phòng Văn hóa – Xã hội	
III	PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ					
12	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính đủ điều kiện	%	≥ 80	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
13	Tỷ lệ TTHC cung cấp DVC trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC của cấp xã	%	≥ 80	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
14	Tỷ lệ số hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	%	≥ 90	≥ 90	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
15	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp xã	%	≥ 95	≥ 95	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
16	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa	%	≥ 95	≥ 95	Trung tâm Phục vụ	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (tỉnh)	Kết quả xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
					hành chính công	
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch	%	100	100	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
18	Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	%	≥ 80	≥ 80	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
19	Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	≥ 95	≥ 95	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
20	Tỷ lệ kết nối, liên thông các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động và chỉ đạo, điều hành (hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống họp trực tuyến...) của các khối	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
21	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ (dùng cho cá nhân, tổ chức) để giải quyết công việc	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
22	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử cấp xã	%	≥ 70	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
23	Tỷ lệ hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử; hoàn thành số hoá tài liệu lưu trữ trong 3 năm gần đây	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (tỉnh)	Kết quả xã	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
24	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	≥ 80	≥ 80	Công an xã	
25	Tỷ lệ, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
IV	DỮ LIỆU SỐ					
26	Thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức được số hoá và thực hiện trên môi trường số	%	70	100	Phòng Văn hóa – Xã hội	
27	Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan tự xây dựng, phát triển được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	%	100	100	Công an xã	
28	Thông tin tuyên truyền đối ngoại được số hoá và thực hiện trên môi trường số	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	
29	Tỷ lệ văn bản điện tử có độ mật, tối mật được gửi, nhận, lưu trữ và xử lý qua hệ thống thông tin có sử dụng giải pháp bảo mật của ngành Cơ yếu theo đúng quy định	%	100	100	Văn phòng HĐND và UBND xã	